

CHÂU THÀNH

DANH SÁCH

ĐƠN VỊ	Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Năm		Nơi cư trú	Tham gia công tác khác	Danh hiệu thi đua cao nhất	Số thẻ hội viên	Ghi chú
						Nghỉ việc	Nghỉ hưu					
AN HÓA	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	1	Nguyễn Chí Thanh	1941				2002	Ấp 2			753014	
	2	Huỳnh Chung Lĩnh	1955			1992		Ấp3			753015	
	3	Hồ Văn Sinh	1943			1990		Ấp1			753021	
	4	Trần Thị Cúc	1949	x		1990		Ấp1			753024	
	5	Trần T Thanh Hằng	1955	x		1997		Ấp 4			753036	Mất 2015
	6	Trần Kim Loan	1955	x		1991		Ấp 2			753026	
	7	Nguyễn Thị Nhẫn	1943	x			2001	Ấp 2			753025	
	8	Lê Văn Hai	1948		x		2009	Ấp 1		CSTĐ	753016	
	9	Trần văn Cao	1961			1987		Ấp 4			753018	
	10	Đỗ Thành Đức	1959			2004		Ấp 2			753027	
	11	Trần Công Nhiệm	1960			1985		Ấp 3-Giao Hòa			753033	
	12	Huỳnh T Diệu Oanh	1958	x		1991		Ấp 4			753086	
	13	Nguyễn Văn Thành	1965			2002		Ấp 3			753023	
	14	Võ Thị Lan	1960	x		1991		Ấp 3			753041	
	15	Nguyễn Trí Thức	1955			1986		Ấp 3			753043	
	16	Nguyễn T Bích Thủy	1971	x		1996		Ấp 3			753040	
	17	Hồ Viêt Chinh	1971			2006		Ấp 3			753039	
	18	Châu Văn Tươi	1963		x	1990		Ấp 2			753017	
	19	Nguyễn T Ngọc Gấm	1942	x		1990		Ấp 1			753028	
	20	Quách Thị Viên	1944	x			1985	Ấp 2			753029	
	21	Nguyễn Thị Mai		x				Ấp 2			753035	Mất 2016
	22	Nguyễn T Mỹ Hoàng	1959	x		1987		Ấp 3			753031	
	23	Ngô Minh Hoàng	1938			1998		Xã Long Định			753019	
	24	Nguyễn Thị Tron	1952	x		2000		Xã Long Định			753020	
	25	Trần Quang Mân	1959			1990		Xã An Phước			753032	
	26	Nguyễn Thị Thu	1949	x		1988		Ấp 1			753030	

AN HÓA

[illegible]

DANH SÁCH

ĐƠN VỊ	Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Năm		Nơi cư trú	Tham gia công tác khác	Danh hiệu thi đua cao nhất	Số thẻ hội viên	Ghi chú
						Nghỉ việc	Nghỉ hưu					
QUỚI SƠN	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	1	Võ Thị Ngọc Nga	1935	<u>x</u>			1991	Ấp Quới An			753058	
	2	Phạm Thị Rết	1949	<u>x</u>			2005	Ấp Quới Hưng		GVDG	753059	
	3	Lê Thị Kim Tâm	1937	<u>x</u>			1992	Quới Hòa Đông			753060	
	4	Trần Thị Ánh Tuyết	1949	<u>x</u>			2005	Quới Lợi			753061	
	5	Nguyễn Trọng Nhận	1937		x		1987	Quới Lợi		Huân C	753062	GVKC
	6	Nguyễn Thị Hoa	1953	<u>x</u>	x		2005	Quới Lợi		CSTĐ tỉnh	753063	
	7	Võ Thị Gia	1943	<u>x</u>	x	1996		Quới Lợi			753064	Mất 2016
	8	Cao Tôn Bảo	1957		x	1992		Quới Hưng			753065	Mất 2016
	9	Nguyễn Phước Lý	1958	<u>x</u>		1992		Quới Hưng			753066	
	10	Nguyễn Thị Kim Anh	1948	<u>x</u>			2005	Quới Hòa Đông		GVDG	753067	
	11	Phan Văn Đơn	1953				2008	Quới Hòa Đông		CSTĐ	753068	
	12	Nguyễn Thị Phụng	1957	<u>x</u>	x		2009	Quới An		GVDDG	753069	
	13	Trần Thị Hồng Hoa	1955	<u>x</u>	x		2010	Quới An	BTCB ấp	CSTĐ	753070	
	14	Võ Thị Kim Oanh	1959	<u>x</u>			2010	Quới Thạnh Đông			753071	
	15	Bùi Văn Chính	1952					Quới Thạnh Đông			753072	
	16	Nguyễn Thị Ánh	1950	<u>x</u>		1978		Quới Thạnh Đông			753073	
	17	Nguyễn văn Tỏ	1948			1977		Quới Hưng			753074	
	18	Đỗ Ngọc Ánh	1950			1978		Quới Hưng			753075	
	19	Nguyễn Long Châu	1939			1979		Phú Thành Tây			753076	Mất 2016
	20	Dương Thị Thu	1948	x			2003	Phú Thành Tây		CSTĐ	753077	
	21	Trần Văn Hai	1931				1987	Quới An			753078	
	22	Lê Thị Kim Sang	1954	x			2009	Quới Hòa Đông		GVDG	753079	
	23	Dương Thị Nguyệt	1944	x			2003	Quới Thạnh Đông			753080	
	24	Phạm Văn Tốt	1941			1990		Quới Thạnh Đông			753081	
	25	Trần Thị Hồng Loan	1957	x	x		2011	Quới An		CSTĐ	753082	

[illegible]

DANH SÁCH

ĐƠN VỊ	Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Năm		Nơi cư trú	Tham gia công tác khác	Danh hiệu thi đua cao nhất	Số thẻ hội viên	Ghi chú
						Nghỉ việc	Nghỉ hưu					
PHÚ AN HÒA	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	1	Lê Thanh Quới	1953	x			2008	Ấp Phú Ngãi				
	2	Huỳnh Thị Diệp	1953	x	x		2008	Ấp Phú Ngãi		GVDG tỉnh		
	3	Nguyễn Thị Ngọc Đáng	1942	x		1990		Ấp Phú Ngãi				
	4	Lữ Thị Bạch	1954	x			2005	Ấp Phú Ngãi				
	5	Lê Thị Minh Nguyệt	1954	x		2002		Ấp Phú Ngãi				
	6	Bùi Thị Ngọc Diệp	1943	x		1987		Ấp Phú Ngãi				
	7	Huỳnh Thị Kim Hoàng	1962	x		1990		Ấp Phú Ngãi				
	8	Lê Thị Thao	1951	x		1986		Ấp Phú Ngãi				
	9	Phan Thị Mỹ Thụy	1958	x	x		2008	Ấp Phước Hòa				
	10	Bùi Bằng Đoàn	1931			1978		Ấp Phước Hòa				Mất 2017
	11	Nguyễn Thị Nghi	1935	x		1981		Ấp Phước Hòa				
	12	Ngô Thị Ngọc Dung	1945	x		1990		Ấp Phước Hòa				Mất 2015
	13	Trần Thị Bé	1959	x			2009	Ấp Phước Hòa				
	14	Nguyễn Thị Viện	1937	x		1981		Ấp Phú Ngãi				
	15	Huỳnh Thị Thanh Vân	1946	x		1984		Ấp Phú Ngãi				
	16	Phạm Minh Châu	1945			1982		Ấp Phú Ngãi				
	17	Đỗ Ngọc Phí	1953	x			2005	Ấp Phú Ngãi		GVDG		
	18	Trần Thị Sa	1956	x			2009	Ấp Phước Hòa		GVDG		
	19	Châu Thị Mai Lịch	1956	x			2011	Ấp Phú Ngãi				
	20	Nguyễn Văn Măng	1958				2013	Phú An Hòa				
	21	Đỗ Thị Hoa	1959	x			2014	Phú An Hòa		CSTĐ		
	22	Nguyễn Hiền Trạng	1939			1993		An Ngãi Trung				
	23	Võ Thị Cùa		x				Ấp Phước Hòa				
	24	Hồ Hiếu Đê	1937					Phú Ngãi				
	25	Hồ Văn Thạnh					1976					
	26	Lê Hoàng Dũng	1954				1989	Phú Ngãi				

[illegible]

ĐƠN VỊ	Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Năm		Nơi cư trú	Tham gia công tác khác	Danh hiệu thi đua cao nhất	Số thẻ hội viên	Ghi chú
						Nghỉ việc	Nghỉ hưu					
THỊ TRẦN	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	1	Nguyễn Thị Ba	1943	x	x		2000	Ấp Phú Nhơn		CSTĐ		Mất 2015
	2	Huỳnh T Ánh Tuyết	1946	x		1988		Khu phố 3			752987	
	3	Nguyễn T Huỳnh Anh	1947	x	x		1992	Khu phố 2		CSTĐ	75852	GVKC
	4	Trần Thị Kim Đính	1948	x	x		2005	Khu phố 3			752988	GVKC
	5	Hồ Thị Sang	1948	x	x		2002	Khu phố 2		CSTĐ	75653	
	6	Phan Thị Kim Nhung	1949	x	x		2002	Khu phố 2			75654	
	7	Văn Thị Gon	1949	x			2005	Khu phố 4		CSTĐ	75655	
	8	Đặng Thị Hường	1950	x			2005	Khu phố 4			75656	
	9	Huỳnh Văn Thuần	1952			1992		Khu phố 4			756557	Mất 2016
	10	Hồ Thị Hồng	1953	x		1993		Ấp 3 A Khánh			752988	
	11	Nguyễn T Ngọc Lan	1953	x			2005	Ấp 1 Sơn Đông		GGVDG	75660	
	12	Phan Huỳnh Hoa	1954	x			2005	Khu phố 3			75658	
	13	Tạ Kim Lan	1958	x		2005		Khu phố 4			75659	
	14	Lương Thành Nghĩa	1959			1994		Khu phố 3			752990	
	15	Trần Thị Năm	1929	x		1985		Tân Thạch			755453	
	16	Phạm Thị Thanh Vân	1958	x			2009	Khu phố 3		GVDG	755,452	
	17	Trần T Mai Hồng Lý	1961	x			2011	Khu phố 2		GVDG	755,454	
	18	Phan Thị Thủy	1956	x	x		2008	Khu Phố 4			755455	
	19	NguyễnThị Bé	1952	x			2007	Phú Nhơn		CSTĐ	755462	
	20	Trần Thị Ánh	1955	x	x		2009	Khu phố 2			755463	
	21	Phạm Thị Chơn	1951	x	x	1990		Khu Phố 4			755458	
	22	Lê Thị Lâm	1959	x	x		2014	Phú Nhơn		CSTĐ	755459	
	23	Trần Kim Phương	1958	x			Jul-05	Phú Nhơn		GVDG	755461	
	24	Lê T Minh Phương	1954	x		1990		Khu Phố 3			755460	
	25	Võ Thị Thanh Thủy	1951	x		1980		Ấp 6 Tân Thạch			755456	
	26	Võ Thị Thu Hồng	1954	x		1984		Ấp 6 Tân Thạch			765457	
	27	Mai T Kim Hạnh	1960	x			2015	Khu Phố 4		GVDG		

THỊ TRẦN

[illegible]

DANH SÁCH

ĐƠN VỊ	Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Năm		Nơi cư trú	Tham gia công tác khác	Danh hiệu thi đua cao nhất	Số thẻ hội viên	Ghi chú
						Nghỉ việc	Nghỉ hưu					
TAM PHƯỚC	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	1	Trần Trọng Bảy	1935			1979		Ấp Thạnh Hựu				Mất 2011
	2	Đỗ Thị Bính	1949	x	x		1985	Ấp Phước Tân			75602	GVKC
	3	Chế Thị Cang	1921	x		1976		Ấp Phước Thạnh			75603	Mất 2015
	4	Nguyễn Thị Cúc	1955	x		1999		Ấp Phước Thạnh			75604	
	5	Nguyễn Thị Thu Cúc	1955	x	x	2000		Ấp Thạnh Hựu			75605	
	6	Phạm Thị Mỹ Dung	1954	x		1994		Ấp Thạnh Hựu			75606	
	7	Nguyễn Thị Em	1951	x			2007	Ấp Thạnh Hựu		CSTĐ	75607	
	8	Nguyễn Thị Thu Hà	1942	x			1997	Ấp Thạnh Hựu			75608	
	9	Nguyễn Thị Hào	1955	x			2009	Ấp Phước Thạnh			75609	
	10	Lê Thị Hiệp	1939	x		2001		Ấp Thạnh Hựu			75610	Mất 2015
	11	Nguyễn Kim Hoàn	1946			1995		Ấp Phước Thạnh			75611	GVKC
	12	Nguyễn Thị Kim	1949	x			2004	Ấp Phước Thạnh			75613	
	13	Bùi Thị Lang	1954	x			2006	Ấp Phước Hậu			75614	
	14	Hồ Thị Liễu	1951	x	x		2005	Ấp Phước Hựu		CSTĐ	75615	
	15	Đoàn Kim Loan	1950	x			2005	Xã Hữu Định			75616	
	16	Nguyễn Thị Lựu	1950	x			2005	Mỹ Thạnh An			75617	
	17	Trương Trung Nghĩa	1956			2000		Ấp Phước Thạnh			70617	
	18	Bùi Thị Nghiệp	1949	x			2004	Ấp Thạnh Hựu			75618	
	19	Lê Thị Phước	1953	x			2007	Ấp Phước Thạnh			75619	
	20	Nguyễn Bá Phúc	1955			2000		Ấp Phước Thạnh			75620	
	21	Chế Thị Phương	1954	x	x		2009	Ấp Phước Thạnh		GVDG	75623	
	22	Phan Công Hậu	1940					Tam Phước			75622	
	23	Nguyễn Thanh Bính	1956	x			1990	Ấp Phước Thành			75624	
	24	Nguyễn Thị Hương	1955	x			2009	Ấp Phước Thạnh		CSTĐ		
	25	Nguyễn Văn Lâm	1950		x		2009	Ấp Phước Hậu			75626	
	26	Huỳnh Thị Nhỏ	1953	x			2008	Ấp Phước Thành		GVDG		

[illegible][illegible]

ĐƠN VỊ	Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Năm		Nơi cư trú	Tham gia công tác khác	Danh hiệu thi đua cao nhất	Số thẻ hội viên	Ghi chú
						Nghỉ việc	Nghỉ hưu					
HỮU ĐỊNH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	1	Nguyễn Thị Mỹ Dân	1958	x	x		2008	Hữu Nhơn			75663	
	2	Trần Thị Hồng Diệu	1952	x			2005	Ấp 3		GVDG	75666	
	3	Hà Thị Thúy Hằng	1958	x	x		2008	Hữu Nhơn	Tr.ấp	GVDG	75713	
	4	Lê Quốc Hùng	1963			1992		Ấp3			75667	
	5	Nguyễn Hữu Khen	1925			1986		Ấp 2			75665	
	6	Nguyễn Văn Khiêm	1961			1988		Ấp Hữu Định			75714	
	7	Dương Thị Bạch Loan	1945	x		1991		Ấp 4			75668	
	8	Trần Văn Luông	1950		x	1989		Hữu Nhơn			75660	
	9	Phạm Văn Mão	1939				2000	Ấp 2			75673	GVKC
	10	Phạm Thị Mì	1959	x			2010	Ấp 2				
	11	Phan Văn Nhân	1966			1994		Hữu Nhơn				
	12	Lê Thị Ngai	1950	x			2006	Đại Định			75674	
	13	Nguyễn Thị Nguyên	1956	x	x		2008	Phú Hữu			75662	Mất 2015
	14	Trần Thị Ngu	1958	x			2009	Ấp 2			75671	
	15	Hồ Quang Phúc	1964			1997		Đại Định			75672	
	16	Đặng T Ngọc Sương	1950	x		1992		Phú Sơn			75670	
	17	Ng.T Ngọc Phượng	1945	x		1991		Ấp 2			75661	
	18	Nguyễn T Ngọc Thao	1963	x		1991		Đại Định			75663	
	19	Nguyễn Tấn Tước	1938			1987		Đại Định			75716	
	20	Lư Đình Trung	1958		x	1990		Đại Định			75717	
	21	Nguyễn Văn Thắng	1951		x		2008	Phú Hữu			75664	
	22	Lê Thị Hoàng Yến	1940	x			1996	Ấp 2			75719	
	23	Bùi Thị Xuân	1946	x	x		2002	Ấp 2			75718	
	24	Nguyễn T Kim Phượng	1943	x			1991	Phước Thạnh				GVKC
	25	Trần Văn Thưởng	1938			1987		TP.HCM				
	26	Trần T Hữu Hóa	1958	x			2010	Xã Phú Hưng		CSTĐ		
	27	Võ Công Danh	1955				2008	Xã Phú Hưng				

HỮU QUÂN

[illegible]

ĐƠN VỊ	Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Năm		Nơi cư trú	Tham gia công tác khác	Danh hiệu thi đua cao nhất	Số thẻ hội viên	Ghi chú
						Nghỉ việc	Nghỉ hưu					
PHƯỚC THẠNH	1	2	3	4	5	6	7	8	9		11	12
	1	Ng.T.Nguyệt Yếng	1944	x		1990		Phước Thiện			75627	
	2	Dương Văn Tài	1940			1976		Phước Thiện			75628	
	3	Trương Thị Nga	1946	x		1967		Phước Thiện			75629	
	4	Đoàn Ánh Nguyệt	1945	x			2000	Phước Thành			75631	
	5	Nguyễn Tiến Thương	1929			1995		Phước Thành			75632	
	6	Nguyễn Thị Sáu	1954	x			2005	Phước Thành			75633	
	7	Ng.T. Mỹ Nhiên	1952	x	x		2007	Phước Thành	BT CB áp	CSTĐ	75710	
	8	Dương Hữu Hồng	1961				2001	Phước Định			75634	
	9	Nguyễn Thanh Hùng	1965				1990	Phước Định			75365	
	10	Trần Thị Uyển Như	1944	x			1991	Phước Định			65711	
	11	Hồ Thị Lệ	1940	x		1980		Phước Định			75712	
	12	Nguyễn Thị Hường	1945	x		1979		Phước Định			75636	Mất
	13	Nguyễn Thị Ngọc Kỳ	1955	x		1993		Phước Định			75637	
	14	Nguyễn Thị Kim Cúc	1953	x		1993		Phước Thạnh			75638	
	15	Nguyễn Thị Thanh Vân	1958	x			2009	Phước Thạnh			75639	
	16	Nguyễn Thị Sớm	1952	x		1987		Phước Thạnh				
	17	Trương Công Quán	1940			1970		Phước Thạnh				
	18	Nguyễn Văn Trang	1954			1970		Phước Thạnh			75640	
	19	Nguyễn Văn Bạ	1952			1981		Phước Thạnh			75641	GVKC
	20	Trần Thị Kim Hạnh	1948	x		1970		Phước Thạnh			75642	
	21	Huỳnh Thị Gấm	1953	x		1986		Phước Thạnh			75643	
	22	Nguyễn T Kim Phương	1943	x			1991	Phước Thạnh				GVKC
	23	Trần Minh Ân	1936				1995	Phước Thạnh				
	24	Nguyễn Thị Ri	1954	x			2009	Phước Thạnh				
	25	Nguyễn Thị Bạch Yến	1958	x		2005		Phước Thạnh			75645	
	26	Đỗ Thu Thủy	1955	x			2005	Phước Thạnh		GVDG		
	27	Trương Thị Huyền	1954	x	x		2005	Phước Thạnh		CSTĐ	75651	

[illegible]

DANH SÁCH

[illegible]

[illegible][illegible]

DANH SÁCH

[illegible]

[illegible][illegible]

DANH SÁCH

ĐƠN VỊ	Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Năm		Nơi cư trú	Tham gia công tác khác	Danh hiệu thi đua cao nhất	Số thẻ hội viên	Ghi chú
						Nghỉ việc	Nghỉ hưu					
AN HIỆP	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	1	Nguyễn Thị Am	1948	x			2004	An Hiệp		GVDG	752091	
	2	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1955	x			2010	An Hiệp			752992	
	3	Nguyễn Thanh Bình	1963	x		1990		An Hiệp			752993	
	4	Nguyễn Thị Cúc	9/27/1954	x	x		2009	An Hiệp		GVDG	752994	
	5	Nguyễn Thị Cúc	1954	x			2010	An Hiệp		GVDG	752994	
	6	Phan Thanh Dũng	1959			1990		An Hiệp			752995	
	7	Đặng Kim Đào	1955	x			2010	An Hiệp			752996	
	8	Lê Văn Đường	1960			1987		An Hiệp			752997	
	9	Võ Thị Hiền	1958	x	x	1993		An Hiệp			75734	
	10	Thái Thị Huệ	1954	x		1991		An Hiệp			75723	
	11	Bùi thị Kim Kê	1956	x		1992		An Hiệp			75731	
	12	Đặng Thị Khỏe	1950	x			2005	An Hiệp		GVDG	75729	
	13	Nguyễn Thị Khuyên	1944	x			2000	An Hiệp			75726	
	14	Nguyễn Thị Khuyển	1950	x			2005	An Hiệp			75725	
	15	Trần Thị Kiển	1957	x		2009		An Hiệp			752998	
	16	Võ Văn Hoàng Kiệt	1958		x	1985		An Hiệp			75773	
	17	Phạm Văn Kinh	1939			1975		An Hiệp			752999	
	18	Huỳnh Thị Mỹ Lan	1960	x		1989		An Hiệp			753000	
	19	Nguyễn Thị Kim Lang	1939	x		1980		An Hiệp			753001	
	20	Trần Thị Bé Lâm	1951	x	x	1988		An Hiệp			753002	
	21	Nguyễn Thị Lệ	1953	x			2005	An Hiệp			75722	
	22	Trần Thị Bé Loan	1954	x	x	1998		An Hiệp			75720	
	23	Trần văn Lưu	1954			1992		An Hiệp			75721	
	24	Nguyễn Thị Mua	1954	x			2005	An Hiệp		GVDG	75724	
	25	Nguyễn Văn Nhu	1939			1992		An Hiệp			753003	
	26	Nguyễn Hiệp Phát	1965			1992						

[illegible][illegible]

DANH SÁCH

ĐƠN VỊ	Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Năm		Nơi cư trú	Tham gia công tác khác	Danh hiệu thi đua cao nhất	Số thẻ hội viên	Ghi chú
						Nghỉ việc	Nghỉ hưu					
PHÚ ĐỨC	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	1	Ng. Chon Bình	1937			1979		Phú Lễ			752960	
	2	Nguyễn Thị Mảnh	1944	x		1991		Phú Xuân			752961	
	3	Huỳnh Văn Mính	1947			1993		Phú Xuân			752962	
	4	Đàm Thị Hồng Đào	1952	x	x		2007	Phú Xuân		CSTĐ tỉnh	752963	
	5	Huỳnh T Thu Liễu	1950	x			2005	Phú Lễ			752964	
	6	Đàm Thị Bạch	1950	x			2005	Phú Xuân			752965	
	7	Võ Văn Được	1957			1990		Phú Lễ			752966	
	8	Nguyễn Thị Nhãn	1954	x			2008	Phú Long			752967	
	9	Đoàn T Bạch Sứ	1955	x			2008	Long Phú		GVDG	752968	
	10	Nguyễn Thị Na	1942	x			2004	Phú Tường			752969	Mất 2016
	11	Phạm T Cẩm Bình	1958	x			2008	Phú Tường			752970	
	12	Nguyễn Thị Châu	1965	x				Phú Tường			752971	
	13	Ng. Thanh Thuởng	1969			1996		Phú Long			759722	
	14	Huỳnh Thanh Tuấn	1962					Phú Long			752973	
	15	Lý T Huỳnh Mai	1950	x		1980		Phú Long			752974	
	16	Trần T Thu Dung	1955	x			2010	Phú Lễ		CSTĐ	752975	
	17	Nguyễn Văn Hiều	1950		x		2005	Phú Long			752976	
	18	Nguyễn Thành Phong	1958			1993					752978	
	19	Lê Quang Tri	1956			1986		Phú Xuân			752979	
	20	Phạm Thanh Thúy	1954	x			2009	Phú Xuân			752980	
	21	Cao Đình Hôn	1956				2008	Phú Xuân		CSTĐ	752981	
	22	Hà Phú Quốc	1955				2011	Song Phú		CSTĐ	752982	
	23	Nguyễn Thị Thủy	1958	x				Phú Long			752983	
	24	Nguyễn Văn Y	1961					Phú Long			752984	
	25	Nguyễn Thị Ngợi	1968	x				Phú Long			752985	
	26	Trần Ngọc Diệp	1930			1990		Thới Sơn			753083	

PHÚ ĐỨC

[illegible]

DANH SÁCH

ĐƠN VỊ	Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Năm		Nơi cư trú	Tham gia công tác khác	Danh hiệu thi đua cao nhất	Số thẻ hội viên	Ghi chú
						Nghỉ việc	Nghỉ hưu					
TÂN PHÚ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	1	Tô Hồng Luân	1947			1983		Tân Phú		GVDG	75690	
	2	Hoàng Ngọc Ngoan	1955	x		1985		Tân Phú			75691	
	3	Võ Thị Hoàng Anh	1956	x		1993		Tân Phú			75692	
	4	Phạm Thị Tươi	1948	x			2004	Tân Phú			75693	
	5	Nguyễn Thị Oanh	1950				2006	Tân Phú			75694	
	6	Lê Ngọc Liệu	1957			1996		Tân Phú			75695	
	7	Phạm Văn Thành Non	1962			1987		Tân Phú			75696	
	8	Nguyễn Thị Phụng	1965	x		1996		Tân Phú			75697	
	9	Huỳnh T Tiết Vân	1943	x		1990		Tân Phú			75698	
	10	Nguyễn Văn Thân	1969		x	1994		Tân Phú			75699	
	11	Nguyễn T Túy Anh	1951	x			2006	Tân Phú		GVDG	75700	
	12	Lê Văn Thai	1961		x	1989		Tân Phú			75701	
	13	Trần T Việt Hồng	1961	x		1982		Tân Phú			75702	
	14	Lý Minh Kỳ	1967			1990		Tân Phú			75703	
	15	Hồ Duy Nhật	1950			1997		Tân Phú			75709	
	16	Cao Thị Chiên	1954	x			2005	Tân Phú		BKTDĐoàn	75704	
	17	Võ Thị Chúc	1945	x			2002	Tân Phú			75705	
	18	Lê Văn Còn	1957			1990		Tân Phú			75706	
	19	Võ văn Khuê	1965			1990		Tân Phú			75707	
	20	Nguyễn T Ngọc Liêm	1961	x		1990		Tân Phú			75708	
	21	Hồ Văn Ngon	1958			1983		Tân Phú			753088	
	22	Nguyễn Thanh Thủy	1968	x		1991		Tân Phú			753089	
	23	Huỳnh Kim Hải	1962			1990		Tân Phú			753090	
	24	Lê Văn Phúc	1951				2011	Tân Phú		CSTD	753091	
	25	Nguyễn T Ngọc Anh	1937			1983		Tân Phú			753092	
	26	Nguyễn Phước Tài	1928			1953		Tân Phú			753093	Mất 2015

TÂN PHÚ

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
27	Nguyễn Thị Thuận	1965	x		1989		Tân Phú			753094	
28	Nguyễn Văn Bình	1964			1987		Tân Phú			753095	
29	Lê văn Mơ	1970			1999		Tân Phú			753096	
30	Đặng T Kim Hoa	1946	x		1982		Tân Phú			753097	
31	Lê Thị Hà	1953	x	x		2006	Tân Phú				
32	Huỳnh Ngọc Liêm	1955				2015	Tân Phú				
33	Huỳnh Văn Lợi	1958				2016	Tân Phú				
34	Trần Thị Kim Dung	1954	x	x	1976		Tân Phú				
35	Nguyễn T Kim Phụng	1950	x		1980		Tân Phú				
36	Lê Thị Có	1947	x		1975		Tân Phú				
37	Trần Văn Thanh	1960			1998		Tân Phú				
38	Trần Thị Cẩm	1960	x			2015	Tân Phú		GVDG		
39	Dâu T Kim Hồng	1955				2010	Tân Phú		GVDG		
40	Nguyễn T Ngọc Thanh	1961	x		1985		Tân Phú				
41	Nguyễn T Thanh Loan	1959	x			2013	Tân Phú		GVDG		
42	Nguyễn T Tuyết Nga	1956	x		1979		Tân Phú				
43	Ngô T Thu Vân	1958	x		1990		Tân Phú				
44	Phạm Thành Tròn	1968			1999		Tân Phú				
45	Lê Đình Lai	1962			1992		Tân Phú				
46	Lê T Mỹ Lành	1957	x		1983		Tân Phú				
47	Đào Thị Thứ	1944	x		1982		Tân Phú				
48	Lê Quốc Cường	1956			1987		Tân Phú				
49	Nguyễn T Thanh Lan	1964	x		1987		Tân Phú				
50	Nguyễn Văn Hòa	1971			1992		Tân Phú				
51	Đào T Nguyệt Ngâu	1943	x			2000	Tân Phú				
52	Trần Thị Nghĩa	1948	x		1978		Tân Phú				
53	Đinh Thị Nhịnh	1968			1990		Tân Phú				
54	Trần T Tuyết Nga	1953	x			2005	Tân Phú				
55	Lương Văn Trung	1959			1992		Tân Phú				
56	Lê Văn Mông	1968			2003		Tân Phú				
57	Lê Văn Mười	1969			1990		Tân Phú				Mất

DANH SÁCH

[illegible]

[illegible]

DANH SÁCH

[illegible]

[illegible]

DANH SÁCH

[illegible]

[illegible][illegible]

DANH SÁCH

ĐƠN VỊ	Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Năm		Nơi cư trú	Tham gia công tác khác	Danh hiệu thi đua cao nhất	Số thẻ hội viên	Ghi chú
						Nghỉ việc	Nghỉ hưu					
GIAO LONG	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	1	Đỗ Văn Trinh	1958			1992		Giao Long	BT CB áp		752931	
	2	Hồ Phú Nhơn	1934			1982		Giao Long			752932	
	3	Quách Trung Di	1938				2000	Giao Long			752933	
	4	Huỳnh Nguyệt Minh	1942	x			1992	Giao Long			752934	
	5	Nguyễn Văn Luông	1957			1989		Giao Long	BTCB áp		752935	
	6	Nguyễn Văn Bi	1933			1978		Giao Long			752936	
	7	Nguyễn Thị Khương	1951	x			2006	Giao Long		GVDG	752937	
	8	Hồ Minh Nguyễn	1957			1991		Giao Long			752938	
	9	Lê Thị Kim Xuyên	1946	x			2001	Giao Long		GVDG	752939	
	10	Dương T Kim Yển	1964	x		1998		Giao Long			752940	
	11	Lê Văn Thượng	1945			1990		Giao Long			752941	
	12	Nguyễn T Thu Vân	1950	x			2005	Giao Long			752942	
	13	Nguyễn Văn Lân	1931	x			1991	Giao Long			752943	
	14	Hh T Phương Mai	1943	x			1998	Giao Long			752944	
	15	Ng T Kim Anh	1939	x			1995	Giao Long			752945	
	16	Dương Thị Thông	1932	x			1988	Giao Long			752946	
	17	Hồ Văn Thì	1937				1995	Giao Long			752947	
	18	Trần Văn Trung	1944			1994		Giao Long			752948	
	19	Vương T Thu Thủy	1955	x			2008	Giao Long			752949	
	20	Lê T Kim Loan	1960	x			2008	Giao Long			752950	
	21	Trần Thị Hồng	1949	x			2005	Giao Long		CSTĐ	752951	
	22	Võ Văn Sơn	1966			1989		Giao Long			752952	
	23	Ng Ngọc Minh Châu	1950	x			2005	Giao Long			752953	
	24	Cao Minh Hùng	1964			1991		Giao Long			752954	
	25	Huỳnh Trung Nghĩa	1959			1991		Giao Long			752955	

[illegible]

DANH SÁCH

[illegible]

QUỐI THÀNH

[illegible]

DANH SÁCH

[illegible]

[illegible][illegible]

DANH SÁCH

[illegible]

[illegible][illegible]

DANH SÁCH

[illegible]

[illegible][illegible]

DANH SÁCH

ĐƠN VỊ	Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đăng viên	Năm		Nơi cư trú	Tham gia công tác khác	Danh hiệu thi đua cao nhất	Số thẻ hội viên	Ghi chú
						Nghỉ việc	Nghỉ hưu					
TÂN THẠCH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	1	Vương Tấn Anh	1954				2009	Xã Tân Thạch			753310	
	2	Trương Văn Nhân	1953				2013	Xã Tân Thạch		CSTĐ	753311	
	3	Trần Thị Hoa	1957	x			2008	Xã Tân Thạch		GVDG	753312	
	4	Đào T Thúy Mai	1956	x	x	1990		Xã Tân Thạch			753313	
	5	Nguyễn T Ngọc Diệp	1950	x			2006	Xã Tân Thạch			753314	
	6	Lê Văn Bảy	1952				2012	Xã Tân Thạch		CSTĐ	763315	
	7	Nguyễn Tấn Hoàn	1956				2011	Xã Tân Thạch		CSTĐ	753315	
	8	Hà Thành Lệ Xuân	1944	x		1990		Xã Tân Thạch			753317	
	9	Trần T Ánh Nguyệt	1956	x			2008	Xã Tân Thạch			753318	
	10	Trần Thị Thu Hồng	1956	x		1989		Xã Tân Thạch			753319	
	11	Nguyễn Thị Tươi	1952	x			2007	Xã Tân Thạch			753320	
	12	Nguyễn Thị Dễ	1959	x			2010	Xã Tân Thạch			753321	
	13	Nguyễn Văn Thanh	1951	x	x		2009	Xã Tân Thạch		CSTĐ	753322	
	14	Võ Thị Lang	1950	x			2005	Xã Tân Thạch			753323	
	15	Đồng T Mỹ Dung	1940				1990	Xã Tân Thạch			753324	
	16	Nguyễn Thị Tươi	1956	x	x		2012	Xã Tân Thạch		CSTĐ	753325	
	17	Nguyễn Thị Thu Thảo	1958	x			2008	Xã Tân Thạch			753326	
	18	Huỳnh Thị Tý	1944	x			2000	Xã Tân Thạch		GVDG	753327	
	19	Phạm T Minh Nga	1955	x			2005	Xã Tân Thạch		GVDG	753328	
	20	Đặng Thị Mận	1942	x			2000	Xã Tân Thạch			753329	
	21	Phạm Thị Phi	1949	x			2004	Xã Tân Thạch			753330	
	22	Nguyễn Ngọc Trinh	1946	x			2002	Xã Tân Thạch			753331	Mất 2017
	23	Lê Kim Cúc	1954	x			2008	Xã Tân Thạch		GVDG	753332	
	24	Trần Thị Hên	1944	x		1990		Xã Tân Thạch			753333	Mất 2016
	25	Phạm T Ngọc Diệp	1950	x			2005	Xã Tân Thạch			753334	
	26	Lê T Ngọc Sương	1955	x			2010	Xã Tân Thạch			753335	

TÂN THẠCH

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
27	Võ Thị Diệp	1952	x			2007	Xã Tân Thạch			753336	
28	Trần Thị Hải	1956	x			2010	Xã Tân Thạch			753337	
29	Lương Ngọc Tuyết	1942	x			2000	Xã Tân Thạch			753338	
30	Trần Thị Dết	1940	x		1990		Xã Tân Thạch			753339	
31	Lê T Ánh Sáng	1950	x			2005	Xã Tân Thạch			753340	
32	Nguyễn T Kim Bông	1956	x			2011	Xã Tân Thạch		GVDG	753341	
33	Nguyễn Thị Thưa	1924	x		1990		Xã Tân Thạch			753342	Mất 2015
34	Đặng Văn Xinh	1928	x		1980		Xã Tân Thạch			753343	
35	Nguyễn Thị Cừu	1944	x			2000	Xã Tân Thạch			753345	
36	Phạm Văn Thế	1930			1980		Xã Tân Thạch			753344	
37	Nguyễn Thị Loan	1947	x			2002	Xã Tân Thạch		CSTĐ	753346	
38	Lê T Kim Anh	1947	x	x		2002	Xã Tân Thạch			753347	
39	Phạm văn Nhiên	1936			1990		Xã Tân Thạch				

[illegible]

DANH SÁCH

[illegible]